

Bản án số: 76/2024/DSST

ngày: 09-4-2024

“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hoàng Giang

Ông Trương Thanh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 03 năm 2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024. Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Hộ kinh doanh Phong L

Đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Kim L, sinh năm 1966. Có mặt

Địa chỉ: Số 338 khu phố 6, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị Tr (tên thường gọi Ch) - sinh năm: 1958. Vắng mặt

Địa chỉ: Tô 7, Ấp S, xã Ng, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn - bà Nguyễn Kim L trình bày:

Khoảng từ năm 2007 đến năm 2009, Hộ kinh doanh Phong L có bán phân bón và thuốc trừ sâu cho Ngô Thị Tr (Ch) nhiều vụ. Hàng năm bà Tr đều trả nợ 01 phần và nợ lại một phần, cụ thể ngày 08/4/2008 nợ 17.530.000 đồng, trả 15.000.000 đồng, ngày 20/6/2009 nợ 42.645.000 đồng, trả 10.000.000 đồng. Theo thỏa thuận sau 04 tháng không trả thì sẽ tính lãi, lãi suất 01%/tháng, có cấp sổ phụ cho khách hàng giữ và 01 sổ cái lưu giữ tại cửa hàng. Đến khi chốt sổ vào ngày 20/4/2010, bà Tr có trả cho Cửa hàng bà 02 chỉ vàng 24K (giá vàng 3.740.000 đồng/chỉ), tương đương số tiền là 7.480.000 đồng, còn nợ lại Hộ kinh doanh Phong

L số tiền gốc 25.165.000 đồng. Theo đơn khởi kiện Hộ kinh doanh Phong L yêu cầu bà Tr phải thanh toán số tiền gốc 25.165.000 đồng và tiền lãi mức 0.833%/tháng tính từ ngày 20/6/2009 đến ngày 01/3/2023 là 34.378.000 đồng.

Tại phiên tòa, Hộ kinh doanh Phong L có yêu cầu bà Tr phải trả tiền mua vật tư nông nghiệp tiền gốc 25.165.000 đồng, xin rút lại yêu cầu tính lãi từ ngày 20/6/2009 đến ngày 01/3/2023 là 34.378.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn - bà Ngô Thị Tr trình bày:

Bà Tr thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp tại Hộ kinh doanh Phong L nhiều năm, hàng năm đều có trả một phần và có nợ lại một phần tiền. Hiện các sổ mua phân bà không còn lưu giữ. Bà Tr thừa nhận có nợ tiền mua phân nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu tiền, đồng thời khi ông Phong (chồng bà L) đến nhà thì bà có trả 02 chỉ vàng 24K xem như trả xong toàn bộ nợ tiền phân. Nay Hộ kinh doanh Phong L yêu cầu bà trả tiền mua vật tư nông nghiệp tiền gốc 25.465.000 đồng, tiền lãi từ ngày 20/6/2009 đến ngày 01/3/2023 là 34.378.000 đồng thì bà Tr không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Phong L.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, thời hạn đưa ra xét xử còn vi phạm cần rút kinh nghiệm.

Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy quá trình tranh tụng các đương sự đều thừa nhận việc hai bên có tự nguyện giao kết hợp đồng mua bán tài sản do đó căn cứ Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, bên mua là bà Tr phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu cho Hộ kinh doanh Phong L. Việc bà Tr không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Phong L cho rằng đã thanh toán 02 chỉ vàng 24K cho Hộ kinh doanh Phong L xem như hết nợ nhưng phía Hộ kinh doanh Phong L không đồng ý. Bà Tr thừa nhận sự việc có mua phân bón và thuốc trừ sâu tại Hộ kinh doanh Phong L nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong, bà Tr xác định hiện các sổ mua phân bón bà không còn lưu giữ do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà. Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trừ trường hợp bộ luật này hay quy định pháp luật có liên quan quy định khác. Do đó Hộ kinh doanh Phong L có quyền khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản đối với số tiền nợ gốc, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 và Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 166, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi là có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn về việc trả lãi. Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Tr phải trả cho Hộ kinh doanh Phong L số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc là 25.165.000 đồng.

Về án phí, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí, bà Tr phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hộ kinh doanh Phong L khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Tr phải trả tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu đây là tranh chấp kiện đòi tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Bà Tr đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng dân sự mua bán tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cùng xác định từ năm 2007-2009, bà Tr mua vật tư nông nghiệp tại Hộ kinh doanh Phong L. Hàng năm bà Tr đều trả nợ 01 phần và nợ lại một phần, theo thỏa thuận sau 04 tháng không trả thì sẽ tính lãi, lãi suất 01%/tháng, có cấp sổ phụ cho khách hàng giữ và 01 sổ cái lưu giữ tại cửa hàng. Ngày 20/6/2009, hai bên cùng chốt lại số nợ theo số tiền gốc là 32.645.000 đồng. Hợp đồng đến hạn từ ngày 20/10/2009 ngày 20/4/2010, bà Tr có trả cho Cửa hàng bà 02 chỉ vàng 24K.

Các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán tài sản. Các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch được thể hiện bằng lời nói, đối tượng của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng mua bán tài sản được xác L hợp pháp theo quy định tại Điều 122 và Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuy nhiên căn cứ theo quy định tại Điều 688, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cần áp dụng thời hiệu khởi kiện là 03 năm, hợp đồng đến hạn từ ngày 20/10/2009 ngày 20/10/2012 là hết thời hạn 03 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng thì phía Hộ kinh doanh Phong L và bà Tr không L biên bản làm việc với nhau về khoản nợ gốc và lãi thể hiện việc thỏa thuận thời hạn cam kết thanh toán nợ gốc và lãi như thế nào. Cửa hàng Phong L cũng không đưa ra được lý do không khởi kiện khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ. Đến ngày 17/3/2023, Hộ kinh doanh Phong L làm đơn khởi kiện bà Tr, căn cứ theo hướng

dẫn tại Giải đáp số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 thì thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán đã hết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trừ trường hợp bộ luật này hay quy định pháp luật có liên quan quy định khác. Do đó Hộ kinh doanh Phong L có quyền khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản đối với số tiền nợ gốc theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Hộ kinh doanh Phong L yêu cầu bà Tr trả số tiền gốc là 25.165.000 đồng. Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ triệu tập bà Tr đến tham gia tố tụng nhưng bà không đến và cho rằng đã thanh toán 02 chỉ vàng 24K cho Hộ kinh doanh Phong L xem như hết nợ nhưng phía Hộ kinh doanh Phong L không đồng ý. Bà Tr thừa nhận sự việc có mua phân bón và thuốc trừ sâu tại Hộ kinh doanh Phong L và có nợ lại tiền nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong, bà Tr xác định hiện các số mua phân bón bà không còn lưu giữ do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà.

Theo sổ sách mua bán thể hiện đến ngày 20/6/2009 thì bà Tr còn nợ hộ kinh doanh Phong L số tiền là 32.645.000 đồng. Hai bên cùng thừa nhận sự việc vào ngày 20/04/2010 bà Tr có trả cho Hộ kinh doanh Phong L 02 chỉ vàng 24K, tương đương số tiền là 7.480.000 đồng, vậy bà Tr còn nợ lại số tiền là 25.165.000 Đồng. Từ đó có cơ sở xác định việc bà Tr có giao kết hợp đồng mua bán tài sản với Hộ kinh doanh Phong L và còn nợ lại Hộ kinh doanh Phong L số tiền gốc là 25.165.000 đồng nên Hộ kinh doanh Phong L yêu cầu bà Tr phải trả nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Hộ kinh doanh Phong L:

Theo đơn khởi kiện Hộ kinh doanh Phong L yêu cầu bà Tr phải trả lãi chậm trả của số tiền 25.165.000 đồng từ ngày 20/6/2009 cho đến 01/3/2023 theo mức lãi suất 0,833%/01 tháng là 34.378.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, Hộ kinh doanh Phong L tự nguyện rút có yêu cầu trả lãi đối với bà Tr. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc trả lãi của Hộ kinh doanh Phong L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Phong L đối với bà Ngô Thị Tr về việc yêu cầu trả nợ lãi từ ngày 20/6/2009 đến ngày 01/3/2023 là 34.378.000 đồng.

Từ những phân tích trên, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 9 và Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 166, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử buộc bà Ngô Thị Tr phải thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu cho Hộ kinh doanh Phong L số tiền gốc là 25.165.000 đồng.

Để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày Hộ kinh doanh Phong L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Tr không trả đủ tiền thì bà Tr còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Phong L được chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh Phong L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.488.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm, tám mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007933 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Ngô Thị Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 25.160.000 đồng x 5% = 1.258.250 đồng làm tròn là 1.258.000 đồng (*Một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 9 và Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Phong L đối với bà Ngô Thị Tr (Ch) về việc yêu cầu trả tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu.

Buộc bà Ngô Thị Tr (Ch) phải trả cho Hộ kinh doanh Phong L số tiền nợ gốc là 25.160.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Hộ kinh doanh Phong L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Tr không trả đủ tiền thì bà Tr còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Phong L đối với bà Ngô Thị Tr về việc yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/6/2009 cho đến 01/3/2023 theo mức lãi suất 0,833%/01 tháng là 34.378.000 đồng.

3. Về án phí: Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh Phong L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.488.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007933 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Ngô Thị Tr phải nộp án phí dân sự theo quy định là 25.160.000 đồng x 5% = 1.258.250 đồng làm tròn là 1.258.000 đồng (*Một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, Hộ kinh doanh Phong L được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 09/4/2024.

Bà Ngô Thị Tr được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thúy An**

+